

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v: YÊU CẦU HỦY VIỆC KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

**Thẩm phán chủ tọa phiên họp:** Bà Nguyễn Thị Hiền

**- Thư ký phiên họp:** Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên họp:** Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã K mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 09/2022/TLST-VDS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 07/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây :

**-Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Chị **Phạm Thị N**, sinh ngày 28/9/1979 (trong Trích lục kết hôn ghi sinh ngày 28/01/1978); Địa chỉ: Khu 3 P1, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên họp.

**-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Nguyễn Văn D**, sinh ngày 10/11/1976 (trong Trích lục kết hôn ghi sinh ngày 18/02/1976); Địa chỉ: Khu 3 P1, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên họp.

2. **UBND phường P**; Địa chỉ: phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Bồn, Chủ tịch UBND phường P. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật ngày 10 tháng 10 năm 2022 của người yêu cầu chị Phạm Thị N và những tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Chị Phạm Thị N kết hôn với anh Nguyễn Văn D trên tinh thần tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND phường P vào ngày 01/4/1996. Do chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định, nên chị N đã kê khai tăng ngày, tháng, năm

sinh để thực hiện việc đăng ký kết hôn, bản thân anh D do kê khai nhầm lẫn, nên chị N và anh D đã thực hiện việc đăng ký kết hôn khi chị N 16 tuổi 06 tháng 04 ngày; anh D, sinh ngày 10/11/1976 nhưng khi kết hôn lại khai ngày 18/02/1976 (khi đăng ký kết hôn anh D 19 tuổi 04 tháng 22 ngày).

Tại Giấy khai sinh, căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình chị Phạm Thị N đều sinh ngày 28/9/1979, anh Nguyễn Văn D đều sinh ngày 10/11/1976. Để đảm bảo thống nhất và đúng với quy định của pháp luật về điều kiện đăng ký kết hôn, nên chị N yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh D đã được UBND phường P đăng ký kết hôn ngày 01/4/1996 và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa chị N và anh D từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

Anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh kết hôn với chị Phạm Thị N trên tinh thần tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND phường P vào ngày 01/4/1996. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh đã đủ tuổi, còn chị N chưa đủ độ tuổi để thực hiện việc đăng ký kết hôn. Do vậy, chị N và anh cùng thống nhất kê khai tăng độ tuổi của chị N để thực hiện việc đăng ký, còn anh không hiểu vì lý do gì đã kê khai nhầm lẫn về ngày tháng sinh của mình. Nay để đảm bảo quy định của pháp luật và đúng với độ tuổi của anh và chị N, nên anh nhất trí đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Chị N và anh D có hai con chung là cháu Nguyễn Tiến Nam, sinh ngày 24/01/1997 và cháu Nguyễn Tuấn Linh, sinh ngày 29/12/2003. Chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Địa phương phường P (người đại diện bà Trương Thị Bồn) xác định: Quá trình kê khai thực hiện việc đăng ký kết hôn, chị Phạm Thị N kê khai sinh ngày 28/01/1978, anh Nguyễn Văn D kê khai sinh ngày 18/02/1976. Căn cứ vào việc kê khai của chị N và anh D nên địa phương đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị N và anh D vào ngày 18/02/1976 được thể hiện tại Sổ đăng ký kết hôn số 18 Quyển 01/1996. Nay chị N yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã K hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh D đã được UBND phường P đăng ký kết hôn ngày 01/4/1996 và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa chị N và anh D từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên họp:* Người đề nghị giữ nguyên yêu cầu nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân khi đủ điều kiện kết hôn. Đại diện UBND phường P, có đơn đề nghị vắng mặt và không có quan điểm đề nghị gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp

luật, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986, tiểu mục a mục 1 Nghị quyết số 02 ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Điều 149 BLTTDS; Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Tòa án nhân dân thị xã K:

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị N - sinh ngày 28/01/1978 và anh Nguyễn Văn D - sinh ngày 18/02/1976; Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N - sinh ngày 28/9/1979 và anh Nguyễn Văn D - sinh ngày 10/11/1976 kể từ ngày chị N đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 29/9/1996. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về lệ phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã K nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo pháp luật của UBND phường P đã được triệu tập tham gia phiên họp, có đề nghị vắng mặt tại phiên họp. Xét việc vắng mặt của đại diện UBND phường P không ảnh hưởng đến việc giải quyết việc dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành mở phiên họp xét đơn yêu cầu vắng mặt đại diện UBND phường P, thị xã K là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung yêu cầu:

*Xác định thời điểm kết hôn:* Chị N và anh D kết hôn với nhau vào ngày 01/4/1996 trên cơ sở tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại UBND phường P được thể hiện tại Sổ đăng ký kết hôn số 18 Quyển 01/1996 của UBND phường P. Lời khai của chị N và anh D phù hợp với Giấy Trích lục kết hôn số 54 ngày 13/10/2022, do UBND phường P, thị xã K đã cấp cho chị N và anh D và các tài liệu, chứng cứ khác nên Tòa án có đủ cơ sở xác định chị N và anh D kết hôn vào ngày 01/4/1996.

*Xác định ngày tháng năm sinh của chị N và anh D:* Tại lời khai chị N và anh D, đều xác định ngày tháng năm sinh đúng của chị Phạm Thị N là ngày 28/9/1979 và của anh Nguyễn Văn D là ngày 10/11/1976. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn do chị N chưa đủ tuổi kết hôn nên đã khai tăng tuổi, còn anh D là do

kê khai nhằm lẫn. Căn cứ các giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh) của chị N, anh D và các tài liệu khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định ngày tháng năm sinh đúng của chị Phạm Thị N là ngày 28/9/1979; ngày tháng năm sinh đúng của anh Nguyễn Văn D là ngày 10/11/1976.

*Xác định điều kiện kết hôn:* Chị Phạm Thị N, sinh ngày 28/9/1979 đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn D sinh ngày 10/11/1976 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã K vào ngày 01/4/1996. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Phạm Thị N 16 tuổi 06 tháng 04 ngày, còn anh Nguyễn Văn D 19 tuổi 04 tháng 22 ngày. Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì việc kết hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn D đã vi phạm về độ tuổi của chị Phạm Thị N, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Lanh, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn D đã được UBND phường P đăng ký kết hôn ngày 01/4/1996 vào Sổ đăng ký kết hôn số 18 Quyển 01/1996 của UBND phường P là phù hợp .

Xét yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của chị N thì thấy: Chị N và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, chị N và anh D chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đã có 02 con và tài sản chung; quá trình giải quyết việc dân sự, chị N và anh D cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân. Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao -Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn D kể từ thời điểm chị Phạm Thị N đủ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 29/9/1996.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều

37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Phạm Thị N. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị N, sinh ngày 28/01/1978 và anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 18/02/1976 đã được đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương) số 18 Quyền 01/1996 ngày 01/4/1996.

Công nhận quan hệ hôn nhân của chị Phạm Thị N, sinh ngày 28/9/1979 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 10/11/1976 kể từ thời điểm chị Phạm Thị N đủ tuổi kết hôn, kể từ ngày 29/9/1996.

2. *Lệ phí Tòa án:* Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2020/0001471 ngày 14/10/2022. Chị Phạm Thị N đã thực hiện xong nghĩa vụ về lệ phí.

3. *Về quyền kháng cáo:* Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thị Hiền**